

Sông Khoai, ngày 29 tháng 10 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt khoản thu, mức thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục năm học 2024 - 2025 của trường TH&THCS Sông Khoai

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG TH&THCS SÔNG KHOAI

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 47/2019/QH14 ngày 22/11/2019;

Căn Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25/6/2015;

Căn cứ Luật Giáo dục nhà nước số 43/2019/QH14 ngày 14/6/2019;

Căn cứ Nghị định số 24/2021/NQ-CP ngày 23/3/2021 Của Chính phủ quy định việc quản lý trong cơ sở giáo dục mầm non và cơ sở giáo dục phổ thông công lập;

Căn cứ Nghị quyết 34/2021/NQ-HĐND ngày 27/8/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định một số khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên công lập trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh;

Căn cứ Hướng dẫn 2593/HD-SGDĐT ngày 19/9/2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn thực hiện Nghị quyết 34/2021/NQ-HĐND ngày 27/8/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định một số khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên công lập trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh;

Căn cứ Công văn số Số: 2778/SGDĐT-KHTC ngày 05/10/2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Quảng Ninh về việc hướng dẫn một số nội dung liên quan đến qui định thực hiện khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục;

- Thực hiện nghị quyết 42/2024/NQ- HĐND tỉnh Quảng Ninh về việc một số biện pháp hỗ trợ khắc phục hậu quả bão số 3(Yagi).

- Căn cứ vào số 3308/SGDĐT - KHTC ngày 18/10/2024 của SỞ giáo dục và đào tạo tỉnh Quảng Ninh về việc triển khai thực hiện và quản lý thu, chi trong các cơ sở giáo dục năm học 2024-2025;

- Căn cứ vào số 1126/PGDĐT - KT ngày 18/10/2024 của Phòng giáo dục và đào tạo thị xã Quảng yên về việc triển khai thực hiện và quản lý thu, chi trong các cơ sở giáo dục năm học 2024-2025;

Xét theo đề nghị của bộ phận tài chính của trường TH&THCS Sông Khoai.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt khoản thu, mức thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục đối với trường TH&THCS Sông Khoai năm học 2024-2025 cụ thể như sau:

1. Nước uống:
 - Cấp Tiểu học (học 2 buổi/ngày): 14.000đ/HS/tháng
 - Cấp THCS (học 1 buổi/ngày): 9.000đ/HS/tháng
2. Học thêm tại trường (ngoài giờ học chính khoá) cấp THCS: 8.398đ/HS/giờ dạy, tính tròn 25.000đ/buổi và thu theo buổi
3. Trồng giữ phương tiện xe đạp: 15.000đ/học sinh/tháng

Điều 2. Giao bộ phận văn phòng (kế toán) của trường TH&THCS Sông Khoai công khai kết quả phê duyệt khoản thu, mức thu; tổ chức thực hiện theo kế hoạch. Kết thúc năm học thực hiện quyết toán từng khoản thu, thông báo công khai kết quả thu, chỉ tới tất cả cha mẹ học sinh và cán bộ, giáo viên, nhân viên trong nhà trường.

Điều 3. Các ông, (bà) Kế toán, thủ quỹ, giáo viên chủ nhiệm có liên quan căn cứ Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3(T/h) ;
- Lưu VP.



Nguyễn Thành Hưng

Phụ lục số 4

DỰ TOÁN KINH PHÍ DỊCH VỤ HỌC THÊM

Năm học 2024-2025

- Căn cứ kế hoạch thực hiện các khoản thu, chi dịch vụ ...
- Căn cứ các biên bản cuộc họp của Ban giám hiệu nhà trường và ban đại diện cha mẹ học sinh ; Giáo viên chủ nhiệm và phụ huynh học sinh từng lớp học
- Tổng số học sinh, trẻ tham gia dịch vụ: 230 Học sinh

I. Dự toán chi

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số chi của 1 tháng			Số chi cả năm học		Ghi chú
			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Số tháng	Thành tiền	
A	B	I	2	3	4=2*3	5	6=4*5	II
1	Chi trả thù lao cho giáo viên trực tiếp giảng dạy	Giờ dạy	288	171.300	49.334.400	7	345.340.800	Theo Phụ lục 4.1, 4.2, 4.3
2	Chi cho cán bộ quản lý (người tham gia trực tiếp vào công tác này)				16.640.000	7	116.480.000	Theo quyết định phân công cán bộ tham gia trực tiếp quản lý công tác này, mức chi do đơn vị tự thỏa thuận
	- Thù quỹ: 1,5h/ngày x 3 ngày/tuần x 4 tuần x 42.000đ	Tháng	18	42.000	756.000			
	- Kế toán 3h/ngày x 3 ngày/tuần x 4 tuần x 72.000đ	Tháng	36	72.000	2.592.000			
	- Y tế: 2h/ngày x 3 ngày/tuần x 4 tuần x 42.000đ	Tháng	24	42.000	1.008.000			
	- Lãnh đạo phụ trách HT: 3h/ngày x 3 ngày/tuần x 4 tuần x 135.000đ	Tháng	36	135.000	4.860.000			
	- Lãnh đạo phụ trách HP: 2h/ngày x 3 ngày/tuần x 4 tuần x 176.000đ	Tháng	24	176.000	4.224.000			
	- Quản lý lớp 1h/lớp/tháng x 8 lớp x 400.000đ	Tháng	8	400.000	3.200.000			
3	Phục vụ vệ sinh	Chai	3	40.000	120.000	7	840.000	Chi phí vệ sinh: nước tẩy rửa, giấy vệ sinh
4	Giấy	Bịch	2	55.000	110.000	7	770.000	
5	Chi tiền Điện: Bóng điện 60w/h/bóng x 6 bóng x 30 giờ/tháng x 8 lớp; quạt 60w/h/quạt x 6 quạt x 30 giờ/tháng x 8 lớp; Máy chiếu 200W/h/máy x 8 cái x 36h, Máy tính 150W x 8 cái x 36h. Tổng số: 273.600W	KW	274	1.950	533.520	7	3.734.640	Theo khối lượng tiêu thụ, sử dụng trong phục vụ học thêm (cách tính như tiền điện điều hoà)
6	Nước sinh hoạt	M3	15	8.800	132.000	7	924.000	
7	Số lượng nước uống tổng các lớp/năm: 0,27L/1HS x 12 ngày/tháng x 1 tháng x 230 HS): 745 lít/18,9l = 40 bình	Bình	40	22.000	880.000	7	6.160.000	Dự toán tính như bảng tính dịch vụ nước uống (Đối với mầm non không tính chi phí nước uống)
8	Sửa chữa cơ sở vật chất					7		Dự toán chi tiết công tác sửa chữa cơ sở vật chất phục vụ cho học thêm
9	Chi mua hóa đơn điện tử					7		
10	Thuế	2%			1.354.998	7	9.484.986	
	Tổng cộng				69.104.918	7	483.734.426	

II Dự toán thu

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Tổng kinh phí chi năm	Đồng	483.734.426	
2	Số học sinh/ lớp	Hs/ lớp	25	

3	Tổng số tháng học	Tháng	8	
4	Tổng số giờ dạy/ tháng	Giờ dạy/tháng	288	
5	Tổng số giờ dạy/ năm(4=3*4)	Giờ dạy/năm	2.304	
6	Số tiền thu 1 giờ dạy/ lớp (6=1/5)	Đồng	209.954	
7	Số tiền thu 1 trẻ, học sinh/giờ dạy (7=6/2)	Đồng	8.398	Không vượt quá quy định

Ghi chú: Thu: 8.398đ/giờ, 1 buổi là :25.195đ , làm tròn 25.000đ/buổi, 1 tháng thu: 300.000đ/học sinh

Ban đại diện cha mẹ học sinh



Hoàng Văn Thiệu

Đại diện công đoàn nhà trường



Nguyễn Thị Thu Hiền

Kế toán



Quyết Thị Hồng Nhung

Phụ trách đơn vị



Nguyễn Thành Hưng

DỰ TOÁN KINH PHÍ DỊCH VỤ TRÔNG GIỮ PHƯƠNG TIỆN GIAO THÔNG TH

Năm học 2024-2025

- Căn cứ kế hoạch thực hiện các khoản thu, chi dịch vụ ...

- Căn cứ các biên bản cuộc họp của Ban giám hiệu nhà trường và ban đại diện cha mẹ học sinh ; Giáo viên chủ nhiệm và phụ huynh học sinh từng lớp học

- Tổng số học sinh tham gia dịch vụ: 105 học sinh

I. Dự toán chi

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số chi của 1 tháng			Số chi cả năm học		Ghi chú
			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Số tháng	Thành tiền	
A	B	l	2	3	4=2*3	5	6=4*5	11
	Tổng cộng						14.168.000	
1	Chi trả tiền công cho người trông giữ xe	Đồng	1	1.310.000	1.310.000	9	11.790.000	
2	Dụng cụ, vật tư phục vụ trông xe						1.090.000	Làm vé xe, khoá
3	Chi cho cán bộ quản lý (người tham gia trực tiếp vào công tác này)							
	- Thủ quỹ	Tháng						
	- Kế toán	Tháng						
	- Lãnh đạo phụ trách	Tháng						
4	Chi mua hóa đơn điện tử							
5	Thuế	10%					1.288.000	

II Dự toán thu

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Tổng kinh phí chi	Đồng	14.168.000	
2	Tổng số học sinh tham gia		105	
	Số học sinh gửi xe đạp	HS	105	
	Số học sinh gửi xe máy	HS		
3	Mức thu 1 học sinh/ tháng/ xe máy	Đồng		Không vượt quá quy định
4	Mức thu 1 học sinh/ tháng/ xe đạp	Đồng	14.993	

Ghi chú: làm tròn 15.000đ/học sinh/tháng

Ban đại diện cha mẹ học sinh

Thiệu

Hoàng Văn Thiệu

Đại diện công đoàn nhà trường

Thu Hiền
 NGUYỄN THỊ THU HIỀN

Kế toán

Quyet

Quyet Thị Hồng Nhung

Thủ trưởng đơn vị

Thị Hùng
 NGUYỄN THÀNH HƯNG

DỰ TOÁN KINH PHÍ DỊCH VỤ TRÔNG GIỮ PHƯƠNG TIỆN GIAO THÔNG THCS
Năm học 2024-2025

- Căn cứ kế hoạch thực hiện các khoản thu, chi dịch vụ ...
- Căn cứ các biên bản cuộc họp của Ban giám hiệu nhà trường và ban đại diện cha mẹ học sinh ; Giáo viên chủ nhiệm và phụ huynh học sinh từng lớp học

- Tổng số học sinh tham gia dịch vụ: 155 học sinh

I. Dự toán chi

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số chi của 1 tháng			Số chi cả năm học		Ghi chú
			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Số tháng	Thành tiền	
A	B	1	2	3	$4=2*3$	5	$6=4*5$	11
	Tổng cộng						20.801.000	
1	Chi trả tiền công cho người trông giữ xe	Đồng	1	1.900.000	1.900.000	9	17.100.000	
2	Dụng cụ, vật tư phục vụ trông xe						1.620.000	Làm vé xe, khoá
3	Chi cho cán bộ quản lý (người tham gia trực tiếp vào công tác này)							
	- Thủ quỹ	Tháng						
	- Kế toán	Tháng						
	- Lãnh đạo phụ trách	Tháng						
4	Chi mua hóa đơn điện tử							
5	Thuế	10%					2.081.000	

II Dự toán thu

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Tổng kinh phí chi	Đồng	20.801.000	
2	Tổng số học sinh tham gia		155	
	Số học sinh gửi xe đạp	HS	155	
	Số học sinh gửi xe máy	HS		
3	Mức thu 1 học sinh/ tháng/ xe máy	Đồng		Không vượt quá
4	Mức thu 1 học sinh/ tháng/ xe đạp	Đồng	14.911	quy định

Ghi chú: làm tròn 15.000đ/học sinh/tháng

Ban đại diện cha mẹ học sinh

Hoàng Văn Thiệu

Đại diện công đoàn nhà trường

Nguyễn Thị Thu Hiền

Kế toán

Quyet Thị Hồng Nhung

Thủ trưởng đơn vị

Nguyễn Thành Hưng

**DỰ TOÁN KINH PHÍ CÁC KHOẢN THU
NĂM HỌC 2024-2025**

- Căn cứ Nghị Quyết số 34/2021/NQ-HĐND ngày 27/8/2021 của hội đồng nhân dân tỉnh quy định một số khoản thu dịch vụ
 - Căn cứ Hướng dẫn số 3025/HD-SGDĐT ngày 22/10/2021 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn thực hiện Nghị
 - Căn cứ các biên bản cuộc họp của Hội đồng nhà trường, Ban giám hiệu nhà trường và đại diện cha mẹ học sinh các
 - Tổng số học sinh toàn trường: **556** học sinh Cấp TH: 312 Cấp THCS: 244
 - Tổng số lớp gia dịch vụ: lớp **Tổng số Lớp: 10 Tổng số Lớp: 8**

I. Dự toán chi

TT	Nội dung	Phân chi				Mức thu	Ghi chú
			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền		
A	B	1	2	3	4=2*3		
A	CẤP TIỂU HỌC						
I.	Nước uống						
b	Nước uống(Cấp TH) 2 buổi/ngày						
-	Tổng số học sinh tham gia dịch vụ	Học sinh	312				
-	Bình quân số lượng nước uống 01 học sinh/ buổi/ngày	ML	0,522				
-	Số lượng nước uống tổng các lớp/ năm: 0,47L/1HSx 22 ngày/tháng x 9 tháng x 337 HS)	ML	32.247				1.706
1	Mua nước uống trong năm học	Bình	1.706	22.000	37.532.000		
2	Chi mua dụng cụ phục vụ	Cái					
	+Ca uống nước	Cái					
	+Giá để bình nước	Cái					
3	Chi phục vụ cấp phát nước trong năm học (1 người/ tháng x 500.000đ/tháng x 9 tháng)	Tháng	9	200.000	1.800.000		
4	Tổng chi trong năm (4=1+2+3)				39.332.000		
	Tính số tiền thu 1 học sinh/tháng	Đồng			14.007		
*	Mức thu 1 học sinh/tháng(làm tròn)					14.000	
B	CẤP TRUNG HỌC CƠ SỞ						
I.	Nước uống: 1 buổi/ngày						
	Tổng số học sinh tham gia dịch vụ	Học sinh	244				
	Bình quân số lượng nước uống 01 học sinh/ buổi/ngày	ML	0,3200				
	Số lượng nước uống tổng các lớp/ năm: 0,25L/1HS x 26 ngày/tháng x 9 tháng x 228 HS)	ML	15.460				817,98095
1	Mua nước uống	Bình	817	22.000	17.974.000		
2	Chi mua dụng cụ phục vụ	Cái			0		
	+Ca uống nước	Cái			0		
	+Giá để bình nước	Cái					
3	Chi tiền công bê nước (1 người/tháng x 200.000đ/tháng x 9 tháng)	Công	9	200.000	1.800.000		
	Tổng cộng				19.774.000		

Tính số tiền thu 1 học sinh/năm	Đồng			81.041		Làm tròn
Mức thu 1 học sinh/tháng(làm tròn)	Đồng				9.005	9.000

Ban đại diện cha mẹ học sinh

Thiệu

Hoàng Văn Thiệu

Đại diện công đoàn nhà trường



Nguyễn Thị Thu Hiền

Thủ trưởng đơn vị



Nguyễn Thành Hưng

Kế toán

29

Quyet Thu Hong Nhung